

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 179/2017/HSST

Ngày: 27 - 10 - 2017

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Tiến Thịnh.

2. Bà Hoàng Thị Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Quỳnh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Tô Hồng Thái – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 172/2017/TL-HSST ngày 06 tháng 10 năm 2017, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 196/149/2017/QĐXX-ST ngày 13 tháng 10 năm 2017, đối với bị cáo:

Lê Hữu T, sinh ngày 13 tháng 7 năm 1986 tại Thái Bình;

Nơi cư trú: thôn V, xã V1, huyện H, tỉnh Thái Bình;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12;

Con ông Lê Hữu T1, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1965;

Gia đình có 2 anh em, T là con thứ 1;

Chưa có vợ, con;

Tiền án:

1. Bản án số 220/2009/HSST ngày 12 tháng 02 năm 2009 Tòa án nhân dân thành phố H xử phạt Lê Hữu T 6 tháng 15 ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày 28 tháng 7 năm 2008, về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự. (tài sản trộm cắp trị giá 8.380.000 đồng);

2. Bản án số 109/2010/HSST ngày 09 tháng 6 năm 2010 Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Quảng Ninh xử phạt Lê Hữu T 24 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 22 tháng 2 năm 2010, về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự;

3. Bản án số 33/2013/HSST ngày 09 tháng 8 năm 2013 Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình xử phạt Lê Hữu T 10 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 27 tháng 4 năm 2013, về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự; (tài sản trộm cắp trị giá 2.150.000 đồng);

4. Bản án số 51/2014/HSST ngày 10 tháng 10 năm 2014 Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình xử phạt Lê Hữu T 03 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 04 tháng 7 năm 2014, và phạt 5.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước, về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 138 Bộ luật Hình sự. (tài sản trộm cắp trị giá 20.400.000 đồng).

Nhân thân: Ngày 16 tháng 3 năm 2009 Công an huyện H, tỉnh Thái Bình ra Quyết định số 121/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính đối với Lê Hữu T bằng hình thức phạt tiền 1.000.000 đồng về hành vi Đánh bạc.

Bị tạm giữ từ ngày 21 tháng 6 năm 2017 đến ngày 24 tháng 6 năm 2017 chuyển tạm giam cho đến nay.

(Có mặt)

- Người làm chứng

1. Ông Nhâm Văn T3, sinh năm 1958; Địa chỉ: Số nhà 5/6/13, đường L, tổ 31, phường L, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

(Vắng mặt)

2. Anh Trần Trung S, sinh năm 1972; Địa chỉ: số nhà 01, tổ 4, phường L, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 21 tháng 6 năm 2017, Lê Hữu T đi xe buýt từ nhà đến khu vực bến xe khách tỉnh Thái Bình thuộc phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, mục đích mua ma túy về sử dụng cho bản thân. Tại đây, T gặp một người nam giới tên T4 (T không biết họ tên đầy đủ, tuổi, địa chỉ), T hỏi “*Anh có biết chỗ nào bán ma túy không mua cho em 200.000 đồng*”, T4 trả lời “*có, đưa tiền đây*”, T đưa cho T4 200.000 đồng, T4 nhận tiền và nói T đứng đợi. Khoảng 10 phút sau, T4 quay lại đưa cho T 01 gói ma túy bên ngoài được

gói bằng giấy bạc màu trắng, T cất gói ma túy vào túi quần bên trái đang mặc và đi đến khu vực đê sông L thuộc tổ 31, phường L, thành phố Thái Bình thì bị tổ công tác Công an phường L thấy T có biểu hiện liên quan đến ma túy nên yêu cầu về trụ sở để kiểm tra. Tại trụ sở Công an phường L, trước sự chứng kiến của ông Nhâm Văn T3, anh Trần Trung S, Lê Hữu T tự giác lấy từ túi quần bên trái ra giao nộp cho tổ công tác 01 gói bên ngoài được gói bằng giấy bạc màu trắng, mở ra bên trong có chứa chất bột màu trắng dạng cục, T khai đó là Hêrôin, T mua mục đích sử dụng cho bản thân. Ngoài ra, T còn giao nộp số tiền 100.000 đồng. Tổ công tác tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong vật chứng gửi giám định

Tại Kết luận giám định số 263/KLGD-PC54 ngày 21 tháng 6 năm 2017, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: Mẫu gửi giám định là ma túy, loại Heroine (Hêrôin), có trọng lượng 0,3365 gam (*không phải ba nghìn ba trăm sáu mươi lăm gam*).

Cáo trạng số 180/KSĐT ngày 05 tháng 10 năm 2017 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình truy tố ra trước Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình để xét xử đối với Lê Hữu T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm p khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Lê Hữu T khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Hữu T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Về hình phạt: Áp dụng điểm p khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội, khoản 3 Điều 7, điểm n khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Lê Hữu T mức án tù từ 05 năm tù đến 06 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 21 tháng 6 năm 2017.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự, Điều 76 Bộ luật tố tụng Hình sự tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy thu giữ của Lê Hữu T hoàn trả sau giám định được niêm phong trong 01 phong bì số 263/KLGD của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình; trả lại Lê Hữu T số tiền 100.000 đồng.

Bị cáo Lê Hữu T đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Lê Hữu T nói lời sau cùng : Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo yên T cải tạo, sớm trở về với gia đình, trở thành người công dân có ích cho xã hội.

NHÂN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án , căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra , xét hỏi , tranh luận tại phiên tòa , Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi , quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Bình , Điều tra viên , Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình , Kiểm sát viên trong quá trình điều tra , truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền , trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự . Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng , người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi , quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng , người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Ngày 21 tháng 6 năm 2017, tại khu vực đê sông L thuộc tổ 31, phường L, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, Lê Hữu T đã tàng trữ trái phép 01 gói ma túy, loại Hêrôin, có trọng lượng 0,3365 gam, mục đích để sử dụng cho bản thân, bị cơ quan Công an phát hiện bắt quả tang.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự thì “*Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm*”.

Hành vi của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang, biên bản niêm phong vật chứng, kết luận giám định, lời khai người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo thấy: Hành vi của Lê Hữu T là nguy hiểm cho xã hội , xâm phạm quy định quản lý chất gây nghiện của Nhà nước , ma túy không những gây tác hại cho sức khỏe, phá hoại hạnh phúc của bao gia đình mà còn là nguyên nhân phát sinh các tệ nạn xã hội khác, ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự trị an xã hội. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, có nhận thức đầy đủ về tính chất nguy hiểm cũng như hậu quả của hành vi do mình thực hiện, nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Hành vi đó của Lê Hữu T đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, Lê Hữu T có 4 tiền án chưa được xóa án tích, phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm p khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 còn quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm*”. Xét thấy bị cáo là lao động tự do, tàng trữ ma túy để sử dụng cho bản thân, không vì mục đích vụ lợi nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[3] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Lê Hữu T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng cần đánh giá bị cáo có nhân thân không tốt, không chịu tiếp thu sự giáo dục của pháp luật, mới chấp hành xong hình phạt tù vào tháng 6 năm 2017 bị cáo lại tiếp tục phạm tội mới. Do vậy, bị cáo phải chịu hình phạt nghiêm khắc về hành vi bị cáo đã gây ra.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

So sánh quy định tại khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 thì mức hình phạt tù từ hai năm đến bảy năm, cao hơn so với mức hình phạt tù từ một năm đến năm năm quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự 2015. Căn cứ vào những quy định có lợi cho người phạm tội, theo Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội, khoản 3 Điều 7 và khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015; và căn cứ vào tính chất mức độ phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, để cải tạo giáo dục bị cáo, góp phần đấu tranh phòng ngừa chung, nhất là trong bối cảnh hiện nay tội phạm ma túy có chiều hướng gia tăng và ngày càng phức tạp.

[4] Về xử lý vật chứng và về các vấn đề khác:

Nguồn gốc số ma túy, Lê Hữu T khai nhờ một người tên T4 ở khu vực bến xe khách Thái Bình mua hộ với giá 200.000 đồng. Qua xác minh tại khu vực bến xe khách không có ai tên T4, hình dáng như T đã khai nhận, nên cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra, xử lý.

Số ma túy thu giữ trong vụ án còn lại sau giám định là vật Nhà nước cấm lưu hành, cần tịch thu tiêu hủy.

Số tiền 100.000 đồng quản lý của Lê Hữu T không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho bị cáo.

Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật và có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Hữu T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm p khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội, khoản 3 Điều 7, điểm n khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Lê Hữu T 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21 tháng 6 năm 2017.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, xử:

3.1 Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy thu giữ của Lê Hữu T còn lại sau giám định được niêm phong trong 01 phong bì số 263/KLGD của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình.

3.2 Trả lại Lê Hữu T số tiền 100.000 đồng (một trăm ngàn đồng).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 98, 99 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Lê Hữu T phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Lê Hữu T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày 27 tháng 10 năm 2017.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- Viện kiểm sát nhân dân TPTB;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan điều tra Công an TPTB;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPTB;
- Nhà tạm giữ/Trại tạm giam Công an Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Thùy Dương

